

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP – KIỂM TRA HK2
BÀI 10. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUAN HỆ

Câu 1. Mô hình phổ biến để xây dựng CSDL quan hệ là:

- A. Mô hình phân cấp
- B. Mô hình dữ liệu quan hệ (*)
- C. Mô hình hướng đối tượng
- D. Mô hình cơ sở quan hệ

Câu 2. Mô hình dữ liệu quan hệ là một tập các khái niệm dùng để mô tả...?

- A. Cấu trúc dữ liệu, Các ràng buộc dữ liệu
- B. Cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng
- C. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu
- D. Cấu trúc dữ liệu, Các ràng buộc, thao tác, phép toán trên dữ liệu (*)

Câu 3. Mô hình dữ liệu quan hệ được E. F. Codd đề xuất năm nào?

- A. 1975
- B. 2000
- C. 1995
- D. 1970 (*)

Câu 4. Trong mô hình quan hệ, về mặt cấu trúc thì dữ liệu được thể hiện trong các:

- A. Cột (Field)
- B. Hàng (Record)
- C. Bảng (Table) (*)
- D. Báo cáo (Report)

Câu 5. Thao tác trên dữ liệu có thể là:

- A. Sửa bản ghi
- B. Thêm bản ghi
- C. Xóa bản ghi
- D. Thêm, sửa, xóa bản ghi (*)

Câu 6. Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?

- A. Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ
- B. Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ (*)
- C. Phần mềm Microsoft Access
- D. Phần mềm để giải các bài toán quản lí có chứa các quan hệ giữa các dữ liệu

Câu 7. Thuật ngữ “quan hệ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

- A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính
- B. Bảng (*)
- C. Hàng
- D. Cột

Câu 8. Thuật ngữ “bộ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

- A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính
- B. Bảng
- C. Hàng (*)
- D. Cột

Câu 9. Thuật ngữ “thuộc tính” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

- A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính
- B. Bảng
- C. Hàng
- D. Cột (*)

Câu 10. Thuật ngữ “miền” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

- A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính (*)
- B. Bảng
- C. Hàng
- D. Cột

Câu 11. Phát biểu nào trong các phát biểu sau là sai khi nói về miền?

- A. Các miền của các thuộc tính khác nhau không nhất thiết phải khác nhau
- B. Mỗi một thuộc tính có thể có hai miền trở lên (*)
- C. Hai thuộc tính khác nhau có thể cùng miền
- D. Miền của thuộc tính họ tên thường là kiểu text

Câu 12. Đặc điểm nào sau đây là đặc trưng của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

- A. Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ không quan trọng (*)
- B. Quan hệ không có thuộc tính đa trị hay phức tạp
- C. Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt và thứ tự các thuộc tính là quan trọng
- D. Tên của các quan hệ có thể trùng nhau

Câu 13. Cho bảng dữ liệu sau:

Số thẻ	Mã số sách	Ngày mượn - trả	
		Ngày mượn	Ngày trả
TV-02	TO - 012	5 - 9 - 2007	30 - 9 - 2007
TV-04	TN - 103	12 - 9 - 2007	15 - 9 - 2007
TV-02	TN - 102	24 - 9 - 2007	5 - 10 - 2007
TV-01	TO - 012	12 - 10 - 2007	12 - 10 - 2007

Vì sao bảng trên không phải là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

- A. Tên các thuộc tính bằng chữ Việt
- B. Không có thuộc tính tên người mượn
- C. Có một cột thuộc tính là phức hợp (*)
- D. Số bản ghi quá ít.

Câu 14. Cho bảng dữ liệu sau:

Số thẻ	Mã số sách	Ngày mượn	Ngày trả
TV-02	TO - 012	5 - 9 - 2007	30 - 9 - 2007
	TN - 103	22 - 10 - 2007	25 - 10 - 2007
TV-04	TN - 103	12 - 9 - 2007	15 - 9 - 2007
TV02	TN - 102	24 - 9 - 2007	5 - 10 - 2007
TV01	TO - 012	5 - 10 - 2007	

Bảng này không là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ, vì:

- A. Độ rộng các cột không bằng nhau
- B. Có hai bản ghi có cùng giá trị thuộc tính số thẻ là TV - 02
- C. Một thuộc tính có tính đa trị (*)

D. Có bản ghi chưa đủ các giá trị thuộc tính

Câu 15. Phần mềm nào sau đây *không* phải là hệ QT CSDL quan hệ?

A. Visual Dbase, Microsoft SQL Server

B. Oracle, Paradox

C. OpenOffice, Linux (*)

D. Microsoft Access, Foxpro

Câu 16. Khẳng định nào là *sai* khi nói về khoá?

A. Khoá là tập hợp tất cả các thuộc tính trong bảng để phân biệt được các cá thể

B. Khoá là tập hợp tất cả các thuộc tính vừa đủ để phân biệt được các cá thể (*)

C. Khoá chỉ là một thuộc tính trong bảng được chọn làm khoá

D. Khoá phải là các trường STT

Câu 17. Phát biểu nào *sai* trong các phát biểu sau khi nói về khoá chính?

A. Một bảng có thể có nhiều khoá chính (*)

B. Mỗi bảng có ít nhất một khoá

C. Xác định khoá phụ thuộc vào quan hệ logic của các dữ liệu chứ không phụ thuộc vào giá trị các dữ liệu

D. Nên chọn khoá chính là khoá có ít thuộc tính nhất

Câu 18. Khi cập nhật dữ liệu vào bảng, ta không thể để trống trường nào sau đây?

A. Khóa chính (*)

B. Khóa và khóa chính

C. Khóa chính và trường bắt buộc điền dữ liệu

D. Tất cả các trường của bảng

Câu 19. Trong mô hình quan hệ, ràng buộc như thế nào được gọi là ràng buộc toàn vẹn thực thể (ràng buộc khoá)?

A. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống hoặc trùng nhau (*)

B. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống

C. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được trùng nhau

D. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống nhưng được trùng nhau

Câu 20. Danh sách của mỗi phòng thi gồm có các trường: STT, Họ tên học sinh, Số báo danh, phòng thi. Ta chọn khoá chính là :

A. STT

B. Số báo danh (*)

C. Phòng thi

D. Họ tên học sinh

Câu 21. Giả sử một bảng có 2 trường CCCD (căn cước công dân) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khoá chính hơn vì:

A. Trường CCCD là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất (*)

B. Trường CCCD là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số

C. Trường CCCD đứng trước trường HOTEN

D. Trường CCCD là trường ngắn hơn

Câu 22. Trong bảng sau đây, mỗi học sinh chỉ có một mã số (Mahs)

Mahs	HoTen	Ngaysinh	Lop	Diachi	Toan	Li	Hoa
0001	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12A	Nội trú	10	9	8
0002	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12A	20 Lê Lợi	9	10	5
0003	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12B	Nội trú	7	7	7

Khoá chính của bảng là:

- A. Khoá chính = {Mahs} (*)
- B. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Toan}
- C. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Li}
- D. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi}

Câu 23. Hai bảng trong một CSDL quan hệ liên kết với nhau thông qua:

- A. Địa chỉ của các bảng
- B. Thuộc tính khóa (*)
- C. Tên trường
- D. Thuộc tính của các trường được chọn (không nhất thiết phải là khóa)

Câu 24. Cho các bảng sau :

- **DanhMucSach**(MaSach, TenSach, MaLoai)

- **LoaiSach**(MaLoai, LoaiSach)

- **HoaDon**(MaSach, SoLuong, DonGia)

Để biết *giá của một quyển sách* thì cần những bảng nào?

- A. HoaDon
- B. DanhMucSach, HoaDon (*)
- C. DanhMucSach, LoaiSach
- D. HoaDon, LoaiSach

Câu 25. Chọn phát biểu đúng nhất về tên bảng

- A. Có khoảng trắng
- B. Có chiều dài tên tùy ý
- C. Không có khoảng trắng
- D. Có chiều dài tối đa là 64 ký tự, không nên dùng khoảng trắng và tiếng Việt có dấu (*)

BÀI 11. CÁC THAO TÁC VỚI CSDL QUAN HỆ

Câu 26. Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là:

- A. Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu
- B. Tạo ra một hay nhiều báo cáo
- C. Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi
- D. Tạo ra một hay nhiều bảng (*)

Câu 27. Thao tác khai báo cấu trúc bảng bao gồm:

- A. Khai báo kích thước của trường
- B. Tạo liên kết giữa các bảng
- C. Đặt tên các trường và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường
- D. Câu A và C đúng (*)

Câu 28. Thao tác nào sau đây không thuộc loại tạo lập CSDL quan hệ?

- A. Tạo cấu trúc bảng
- B. Chọn khoá chính
- C. Đặt tên bảng và lưu cấu trúc bảng
- D. Nhập dữ liệu ban đầu (*)

Câu 29. Trong quá trình tạo cấu trúc của một bảng, khi tạo một trường, việc nào sau đây *không* nhất thiết phải thực hiện?

- A. Đặt tên, các tên của các trường cần phân biệt
- B. Chọn kiểu dữ liệu
- C. Đặt kích thước
- D. Mô tả nội dung (*)

Câu 30. Cho các thao tác sau:

B1: Tạo bảng

B2: Đặt tên và lưu cấu trúc

B3: Chọn khóa chính cho bảng

B4: Tạo liên kết

Khi tạo lập CSDL quan hệ ta thực hiện lần lượt các bước sau:

- A. B1-B3-B4-B2
- B. B2-B1-B2-B4
- C. B1-B3-B2-B4 (*)
- D. B1-B2-B3-B4

Câu 31. Thao tác nào sau đây *không* phải là thao tác cập nhật dữ liệu?

- A. Nhập dữ liệu ban đầu
- B. Sửa những dữ liệu chưa phù hợp
- C. Thêm bản ghi
- D. Sao chép CSDL thành bản sao dự phòng (*)

Câu 32. **Chỉnh sửa dữ liệu là:**

- A. Xoá một số quan hệ
- B. Xoá giá trị của một vài thuộc tính của một bộ
- C. Thay đổi các giá trị của một vài thuộc tính của một bộ (*)
- D. Xoá một số thuộc tính

Câu 33. **Xoá bản ghi là:**

- A. Xoá một hoặc một số quan hệ
- B. Xoá một hoặc một số cơ sở dữ liệu
- C. Xoá một hoặc một số bộ của bảng (*)
- D. Xoá một hoặc một số thuộc tính của bảng

Câu 34. Thao tác nào sau đây *không* là khai thác CSDL quan hệ?

- A. Sắp xếp các bản ghi
- B. Thêm bản ghi mới (*)
- C. Kết xuất báo cáo
- D. Xem dữ liệu

Câu 35. Khai thác CSDL quan hệ có thể là:

- A. Tạo bảng, chỉ định khóa chính, tạo liên kết
- B. Đặt tên trường, chọn kiểu dữ liệu, định tính chất trường

- C. Thêm, sửa, xóa bản ghi
- D. Sắp xếp, truy vấn, xem dữ liệu, kết xuất báo cáo (*)

Câu 36. Hai bảng trong một CSDL quan hệ được liên kết với nhau bởi các khóa. Điều khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Các khóa liên kết phải là khóa chính của mỗi bảng
- B. Trong các khóa liên kết phải có ít nhất một khóa là khóa chính ở một bảng nào đó (*)
- C. Trong các khóa liên kết có thể không có khóa chính nào tham gia
- D. Tất cả đều đúng

Câu 37. Truy vấn cơ sở dữ liệu là gì?

- A. Là một đối tượng có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ
- B. Là một dạng bộ lọc
- C. Là một dạng bộ lọc; có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ (*)
- D. Là yêu cầu máy thực hiện lệnh gì đó

Câu 38. Chức năng của mẫu hỏi (Query) là:

- A. Tổng hợp thông tin từ nhiều bảng
- B. Sắp xếp, lọc các bản ghi
- C. Thực hiện tính toán đơn giản
- D. Sắp xếp, lọc, tính toán, tổng hợp dữ liệu (*)

Câu 39. Chức năng chính của biểu mẫu (Form) là:

- A. Tạo báo cáo thống kê số liệu
- B. Hiển thị và cập nhật dữ liệu, Thực hiện các thao tác thông qua các nút lệnh (*)
- C. Lưu dữ liệu
- D. Tạo truy vấn lọc dữ liệu

BÀI 13: BẢO MẬT THÔNG TIN TRONG CÁC HỆ CSDL

Câu 40. Các giải pháp cho việc bảo mật CSDL gồm có:

- A. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, lưu biên bản.
- B. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, chính sách và ý thức, lưu biên bản, cài đặt mật khẩu
- C. Nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, chính sách và ý thức, lưu biên bản.
- D. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng; mã hoá thông tin và nén dữ liệu; chính sách và ý thức; lưu biên bản. (*)

Câu 41. Chọn các phát biểu sai trong các phát biểu dưới đây?

- A. Bảo mật hạn chế được thông tin không bị mất hoặc bị thay đổi ngoài ý muốn
- B. Có thể thực hiện bảo mật bằng giải pháp phần cứng
- C. Hiệu quả của bảo mật chỉ phụ thuộc vào hệ QTCSDDL và chương trình ứng dụng (*)
- D. Hiệu quả bảo mật phụ thuộc rất nhiều vào các chủ trương, chính sách của chủ sở hữu thông tin và ý thức của người dùng.

Câu 42. Bảng phân quyền cho phép :

- A. Phân các quyền truy cập đối với người dùng (*)
- B. Giúp người dùng xem được thông tin CSDL.
- C. Giúp người quản lý xem được các đối tượng truy cập hệ thống.

D. Đếm được số lượng người truy cập hệ thống.

Câu 43. Người có chức năng phân quyền truy cập là:

- A. Người dùng
- B. Người viết chương trình ứng dụng.
- C. Người quản trị CSDL. (*)
- D. Lãnh đạo cơ quan.

Câu 44. Nhận dạng người dùng là chức năng của:

- A. Người quản trị.
- B. CSDL
- C. Hệ quản trị CSDL (*)
- D. Người đứng đầu tổ chức.

Câu 45. Các yếu tố tham gia trong việc bảo mật hệ thống như mật khẩu, mã hoá thông tin cần phải:

- A. Không được thay đổi để đảm bảo tính nhất quán.
- B. Chỉ nên thay đổi nếu người dùng có yêu cầu.
- C. Phải thường xuyên thay đổi để tăng cường tính bảo mật. (*)
- D. Chỉ nên thay đổi một lần sau khi người dùng đăng nhập vào hệ thống lần đầu tiên.

Câu 46. Để nhận dạng người dùng khi đăng nhập vào CSDL, ngoài mật khẩu người ta còn dùng các cách nhận dạng nào sau đây:

- A. Hình ảnh
- B. Âm thanh
- C. Chứng minh nhân dân.
- D. Giọng nói, dấu vân tay, võng mạc, chữ ký điện tử. (*)

Câu 47. Thông thường, người dùng muốn truy cập vào hệ CSDL cần cung cấp:

- A. Hình ảnh.
- B. Chữ ký.
- C. Họ tên người dùng.
- D. Tên tài khoản và mật khẩu. (*)

Câu 48. Phát biểu nào dưới đây sai khi nói về mã hoá thông tin?

- A. Các thông tin quan trọng và nhạy cảm nên lưu trữ dưới dạng mã hoá.
- B. Mã hoá thông tin để giảm khả năng rò rỉ thông tin.
- C. Nén dữ liệu cũng góp phần tăng cường tính bảo mật của dữ liệu.
- D. Các thông tin sẽ được an toàn tuyệt đối sau khi đã được mã hoá. (*)

Câu 49. Câu nào sai trong các câu dưới đây?

- A. Hệ quản trị CSDL không cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu (*)
- B. Nên định kì thay đổi mật khẩu
- C. Thay đổi mật khẩu để tăng cường khả năng bảo vệ mật khẩu
- D. Hệ quản trị CSDL cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu

Câu 50. Câu nào sai trong các câu dưới đây khi nói về chức năng lưu biên bản hệ thống?

- A. Cho biết số lần truy cập vào hệ thống, vào từng thành phần của hệ thống, vào từng yêu cầu tra cứu, ...
- B. Cho thông tin về một số lần cập nhật cuối cùng

- C. Lưu lại nội dung cập nhật, người thực hiện, thời điểm cập nhật
- D. Lưu lại các thông tin cá nhân của người cập nhật (*)